

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SẦM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày: 27 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Mai

Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Hà Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2022/TLST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Cao Thị H - sinh năm 1971; Trú tại: Tổ dân phố H, phường B, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thanh L và bà: Nguyễn Thị N; có chồng là Lê Văn D và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2004; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 10/7/2014 bị TAND TP. Sầm Sơn xử phạt 15 tháng cải tạo không giữ, phạt bổ sung 5.000.000đ về tội Đánh bạc (thời điểm phạm tội bị cáo chưa chấp hành hình phạt bổ sung); bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

2. Nguyễn Thị Q - sinh năm 1976; Trú tại: Tổ dân phố D, phường T, thành phố S, TP. Sầm Sơn, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị X; có chồng là Hoàng Thăng H và 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

3. Văn Đình S - sinh năm 1963; Trú tại: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Đình B và bà: Văn Thị D; có vợ là Văn Thị V và 03 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do hiện tại bị cáo đang điều trị bệnh tại BVPHCN Trung ương, có xác nhận của bệnh viện).

4. Đỗ Văn T - sinh năm 1971; Trú tại: Tổ dân phố C, phường Q, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Vũ Thị T; có vợ là Lê Thị D và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

5. Cao Thị Hải Y (tên gọi khác Cao Thị Y) - sinh năm 1964; HKTT: Xóm 4, xã G, huyện G, Nam Định; Hiện trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 01/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T và bà Nguyễn Thị X; có chồng là Hoàng Quốc H; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1998 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Chứa mại dâm, môi giới mại dâm”; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

6. Cao Thị N - sinh năm 1976; Trú tại: Tổ dân phố B, phường T, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Duy M và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

7. Hà Thị L - sinh năm 1980; Trú tại: Tổ dân phố S, phường T, thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2022 đến ngày 24/6/2022; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Q - SN 1970.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố S, Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 21/6/2022, Công an TP.Sầm Sơn tiếp nhận tố giác về việc có một số đối tượng thường xuyên đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Khi Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh, làm rõ thì 06 đối tượng gồm: Cao Thị Hải Y, Cao Thị N, Hà Thị L, Cao Thị H, Nguyễn Thị Q và Đỗ Văn T đến Công an đầu thú khai nhận hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Cao Thị Hải Y tại Tổ dân phố Bắc Nam, P. Trường Sơn, TP. Sầm Sơn thu giữ số tiền 50.000.000đ; 01 điện thoại Iphone XS Max màu trắng gắn sim số 0979.957.789; 01 điện thoại Nokia X2 màu đen gắn sim số 0927.586.398.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Cao Thị H tại Tổ dân phố Hòa Sơn, P. Bắc Sơn, TP. Sầm Sơn thu giữ số tiền 167.906.000đ; 03 quyển vở, 01 tờ giấy trắng dòng kẻ ngang, 01 tờ giấy (dạng tờ lịch) đều ghi các chữ số.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau: Do hám lợi nên Cao Thị H, Nguyễn Thị Q, Văn Đình S, Đỗ Văn T, Cao Thị Hải Y, Cao Thị N và Hà Thị L đã sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho nhau để thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề. Các đối tượng tự thỏa thuận với nhau dựa vào Kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng hàng ngày là căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định cụ thể như sau:

* *Giữa H và Q*: H đánh bạc với Q qua tin nhắn tài khoản Zalo “Cao Thị H” và “Hồng Quyết Sầm Sơn”, cụ thể:

- Ngày 08/6/2022, H sử dụng điện thoại nhận được tin nhắn qua Zalo từ Q mua số lô, số đề với tổng số tiền 5.696.000đ. Q trúng thưởng với tổng số tiền: 11.500.000đ. Số tiền đánh bạc giữa H và Q ngày 08/6/2022 là 17.196.000đ (đã thanh toán)

- Ngày 18/6/2022, H tiếp tục nhận được tin nhắn qua tài khoản Zalo từ Q mua số lô, số đề với tổng số tiền: 3.202.000đ. Q trúng thưởng tổng số tiền: 5.600.000đ. Số tiền đánh bạc giữa H và Q trong ngày 18/6/2022 là 8.802.000đ (chưa thanh toán).

* *Giữa S và T*: Ngày 11/5/2022, S sử dụng điện thoại di động Sam Sung Galaxy A50 nhắn tin vào điện thoại di động VIVO.V2026 của T mua số lô, số đề với tổng số tiền là 6.560.000đ (chưa thanh toán).

* *Giữa Y, N và L*: Ngày 21/6/2022, Y nhận được tin nhắn từ số điện thoại của N mua số lô, số đề với tổng số tiền là 12.166.800đ (chưa thanh toán); Y nhận tin nhắn từ L đến mua số lô, số đề với tổng số tiền là: 5.580.000đ (chưa thanh toán); Y nhận được tin nhắn của Nguyễn Văn Q mua số đề với tổng số tiền là 180.000đ (chưa thanh toán). Tổng số tiền Y đánh bạc là: 17.926.000đ.

Cáo trạng số 84/CTr-VKS-HS ngày 11/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn truy tố các bị cáo Cao Thị H, Nguyễn Thị Q, Văn Đình S, Đỗ Văn T, Cao Thị Hải Y, Cao Thị N và Hà Thị L về tội “Đánh bạc” theo quy định tại

khoản khoản 1 Điều 321 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 47; Điều 58 BLHS (đối với tất cả các bị cáo); điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với N, S, T và L); điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với bị cáo H và Q); điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với H); Điều 38 BLHS (đối với H); Điều 65 BLHS (đối với Q); Điều 36 BLHS (đối với S và T); Điều 35 BLHS (đối với bị cáo Y, N và L); Khoản 3 Điều 321 BLHS (đối với S).

Mức, loại hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo như sau: H từ 06 đến 09 tháng tù; Q từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; S và T mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Y từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ; N từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ; L từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 08 điện thoại di động. Trả lại 01 điện thoại Iphone 11 Promax cho Nguyễn Văn Q. Trả lại số tiền 2.000.000đ cho bị cáo T. Tiếp tục truy thu số tiền sử dụng vào việc phạm tội của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo S và T. Phạt bổ sung bị cáo S một khoản tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để Sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, lời cuối cùng các bị cáo đều nhận thức rõ và rất hối hận về hành vi vi phạm pháp luật của mình, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về phần thủ tục tố tụng*: Về hành vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố trong vụ án này đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. *Về hành vi phạm tội*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận do hám lời mà không phải bỏ sức lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, đề và thỏa thuận với nhau dựa vào kết quả số số kiến thiết Miền Bắc để làm căn cứ, các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc trong đó có cả tiền thắng bạc cụ thể như sau: Ngày 08/6/2022 Cao Thị H bán số lô, đề cho Nguyễn Thị Q với tổng số tiền là 17.196.000đ; đến ngày 18/6/2022 tiếp tục bán số lô, đề cho Q với tổng số tiền 8.802.000đ. Ngày

11/5/2022 Đỗ Văn T bán số lô, số đề cho Văn Đình S với tổng số tiền là 6.560.000đ. Ngày 21/6/2022 Cao Thị Hải Y bán số lô, số đề với tổng số tiền là 17.926.000đ, cụ thể: cho Cao Thị N 12.166.800đ; cho Hà Thị L 5.580.000đ; cho Nguyễn Văn Q 180.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với biên bản làm việc, lời khai người liên quan, người làm chứng và tang vật chứng thu được cùng các tài liệu khác phản ánh tại hồ sơ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi nêu trên của các bị cáo Cao Thị H, Nguyễn Thị Q, Văn Đình S, Đỗ Văn T, Cao Thị Hải Y, Cao Thị N và Hà Thị L đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS như đề nghị của Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

Đối với hành vi đánh bạc bằng mua bán số lô, đề trong ngày của các bị cáo và những người liên quan có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc dưới 5.000.000đ và nhân thân chưa có tiền án, tiền sự về hành vi cùng loại nên Cơ quan có thẩm quyền đã xử lý hành chính là đúng với quy định của pháp luật.

[3]. *Về tính chất hành vi phạm tội, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Đánh bạc là tệ nạn xã hội, dù đánh bạc ở hình thức hay mức độ nào thì pháp luật cũng nghiêm cấm và tùy theo tính chất, mức độ để có biện pháp xử lý thích đáng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là tệ nạn ảnh hưởng xấu trong xã hội, tạo ra nguồn thu nhập không chính đáng cho một số người. Là nguyên nhân gây lụn bại kinh tế của nhiều gia đình, vợ chồng con cái mâu thuẫn, hạnh phúc tan vỡ nguyên nhân từ tệ nạn bài bạc. Ngoài ra, tệ nạn bài bạc còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo H và Q phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đều có thái độ ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T, S, N và L được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo H, Q, T, Y, N và L, sau khi phạm tội đã tự giác ra “*đầu thú*”, bị cáo S từng có thời gian tham gia quân ngũ; bị cáo H, Y và L đã tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid-19 và quỹ người nghèo tại địa phương; Các bị cáo H, Q và T đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền

địa phương nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS tương ứng với từng bị cáo cần xem xét và áp dụng mức, loại hình phạt đối với từng bị cáo như sau: Bị cáo H có tiền án về hành vi cùng loại, phạm tội nhiều lần nên cần áp dụng Điều 38 BLHS cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết; Các bị cáo Q, S, T, N, và L đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo Y có nhân thân từng bị xét xử nhưng không phải là hành vi cùng loại tội và thời gian đã lâu (24 năm), đã được xóa án. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền phạm tội ít nên cần áp dụng Điều 65 BLHS (đối với Q); Điều 36 BLHS (đối với bị cáo S và T) cho các bị cáo cải tạo tại địa phương. Bị cáo T là lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có vợ hiện đang phải điều trị bệnh Ung thư tuyến giáp; bị cáo S là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Tuy nhiên cần căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS phạt bổ sung bị cáo S một khoản tiền để sung quỹ nhà nước; Áp dụng Điều 35 BLHS phạt tiền là hình phạt chính (đối với bị cáo Y, N và L) cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: 08 điện thoại di động các loại là những phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; đối với 01 điện thoại của Nguyễn Văn Q và số tiền 2.000.000đ bị cáo Thành giao nộp không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Biện pháp tư pháp: Số tiền các bị cáo dùng để thực hiện hành vi đánh bạc cần tiếp tục truy thu từ các bị cáo để sung quỹ Nhà nước, tiền đang ở bị cáo nào thì thu từ bị cáo ấy, cụ thể như sau: Cao Thị H 11.296.000đ; Nguyễn Thị Q 14.702.000đ; Cao Thị N 12.166.800đ; Hà Thị L 5.580.000đ; Văn Đình S 6.560.000đ.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14, các bị cáo chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 58 BLHS (đối với tất cả các bị cáo); Khoản 3 Điều 321 BLHS (đối với S); Điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với S, T, N và L). Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS (đối với bị cáo H); điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS (đối với bị cáo Q); Điều 36 BLHS (đối với T và S); Điều 35 BLHS (đối với bị cáo Y, L và N).

Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 BLHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTWQH14

Tuyên bố: Các bị cáo Cao Thị H, Nguyễn Thị Q, Văn Đình S, Đỗ Văn T, Cao Thị Hải Y, Cao Thị N và Hà Thị L phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt: 1. Bị cáo Cao Thị H 6 (sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 21/6/2022 đến 24/6/2022). Thời hạn tù kể từ ngày bắt thi hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Q 6 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Bị cáo Văn Đình S 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo S số tiền 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

4. Bị cáo Đỗ Văn T 6 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ đi 03 ngày tạm giữ (tương đương 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 5 (năm) tháng 21(hai một) ngày.

Thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ của T , S tính từ ngày UBND phường Tn (đối với S); phường Q (đối với Thành), thành phố S, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo S và T.

5. Bị cáo Cao Thị Hải Y số tiền: 40.000.000đ.

6. Bị cáo Cao Thị N số tiền: 25.000.000đ.

7. Bị cáo Hà Thị L số tiền: 20.000.000đ.

Vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 08 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động Iphone XS Max; 01 điện thoại di động Nokia X2; 01 điện thoại di động Oppo bên ngoài có ốp nhựa hoa văn màu xám; 01 điện thoại di động Oppo A15; 01 điện thoại di động VIVO.V2026; 01 điện thoại di động Sam Sung Galaxy A50; 01 điện thoại di động Iphone XS Max; 01 điện thoại di động NOKIA 105.

Trả lại cho Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động Iphone 11 ProMax; cho Đỗ Văn T số tiền 2.000.000đ.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng số 09/BBVC-CCTHA ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Tiếp tục truy thu số tiền dùng vào việc phạm tội của từng bị cáo để sung quỹ Nhà nước cụ thể như sau: Cao Thị H 11.296.000đ; Nguyễn Thị Q 14.702.000đ; Cao Thị N 12.166.800đ; Hà Thị L 5.580.000đ; Văn Đình S 6.560.000đ.

Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị cáo Văn Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- VKSND TP. Sầm Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP. Sầm Sơn;
- Thi hành án HS, DS TP. Sầm Sơn;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Thị Hà